

Số: 179/2018/QĐ-PT

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI**  
**QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Ủ Thị Bạch Yến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phong

Bà Vũ Thị Thu Hà

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên họp: Ông Nguyễn Hiệp Định - Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trương Thị Hồng Hoa - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 71/2017/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T.

Toà án nhân dân quận T đã căn cứ vào khoản 1 Điều 159; điểm h khoản 1 Điều 192; khoản 3, khoản 4 Điều 193; Điều 194 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi bổ sung năm 2011 và các Điều 218, 219, 235, 271, khoản 2 Điều 273; khoản 2 Điều 517 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty P

Địa chỉ: 9 ngõ 8, phố N, phường G, quận B, Thành phố HN.

- Bị đơn: Công ty Đ

Địa chỉ: Số 53/1A đường MB, phường C, quận T, Thành phố H.

Tại đơn kháng cáo của Công ty P đề ngày 20 tháng 10 năm 2017 nêu lý do thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn do hai bên chưa lập biên bản bàn giao, chưa tiến hành nghiệm thu, vận hành, chạy thử. Hợp đồng kinh tế giữa hai bên chưa thanh lý. Như vậy, khi nguyên đơn khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện. Từ đó, nguyên đơn yêu cầu hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 71/2017/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T.

**XÉT THẤY:**

Ngày 19/10/2017, Tòa án nhân dân quận T đã tổng đạt Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 71/2017/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2017

cho Công ty P.

Ngày 25/10/2017, Tòa án nhân dân quận T nhận được đơn kháng cáo của Công ty P. Như vậy, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 71/2017/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T đã thể hiện nội dung như sau:

Nguyên đơn ủy quyền cho chi nhánh Công ty tại Thành phố H ký hợp đồng kinh tế mua trụ bơm xăng dầu số 0017/HĐKT.2011 ngày 29/4/2011 với bị đơn. Tổng giá trị là 382.800.000 đồng.

Nguyên đơn cho rằng đã giao đầy đủ hàng theo đúng nghĩa vụ hợp đồng, tiến hành lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao chứng từ và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 000074 vào ngày 29/6/2011 cho bị đơn.

Ngày 04/05/2011, bị đơn đã thanh toán 50% giá trị hợp đồng, tương đương số tiền 191.400.000 đồng, sau đó không thanh toán nữa. Đến ngày 30/12/2014, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu.

Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã vi phạm thời gian giao hàng, lắp ráp trụ bơm không có biên bản nghiệm thu, thanh lý, quyết toán hợp đồng, nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp kinh doanh thương mại về “hợp đồng mua bán hàng hóa”, được điều chỉnh theo Luật Thương mại năm 2005.

Điều 319 Luật Thương mại quy định “Thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp thương mại là hai năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm”. Trong quan hệ pháp luật tranh chấp này, thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm là ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Ngoài ra, tại Điều 55 Luật Thương mại có nêu rõ “Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa”.

Nguyên đơn đã giao hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn vào ngày 29/6/2011 nhưng bị đơn vẫn không thanh toán tiền hàng, đây là thời điểm mà quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Tuy nhiên đến ngày 30/12/2014 nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện đến Tòa án là đã hết thời hiệu 02 năm theo quy định tại Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Hội đồng phúc thẩm xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn như sau:

Tại Điều 3 của Hợp đồng về việc mua bán trụ bơm xăng dầu số 0017C/HĐKT.2011 ngày 29/4/2011 giữa Chi nhánh Thành phố H – Công ty P do ông Nguyễn Ngọc S – Giám đốc công ty là đại diện (bên A) và Công ty Đ do

ông Đỗ Thanh T là giám đốc (bên B) ký kết quy định như sau về phương thức thanh toán:

Thanh toán chia làm 2 đợt:

Đợt 1: Bên B tạm ứng 50% giá trị hợp đồng ngay cho bên A sau khi ký hợp đồng. Số tiền 191.400.000 đồng.

Đợt 2: Bên B thanh toán 50% giá trị hợp đồng cho bên A ngay sau khi bên A lắp đặt xong, hai bên cùng tiến hành nghiệm thu, vận hành, chạy thử có tải và ký vào biên bản nghiệm thu. Số tiền 191.400.000 đồng và bên A cung cấp chứng chỉ bảo lãnh bảo hành tương đương với 5% giá trị hợp đồng trong thời gian 12 tháng do ngân hàng của bên A phát hành.

Xét thấy, với phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận nêu trên thì thời điểm thanh toán đợt 2 “là ngay sau khi bên A lắp đặt xong, hai bên cùng tiến hành nghiệm thu, vận hành, chạy thử có tải và ký vào biên bản nghiệm thu”. Như vậy, ngoài việc lắp đặt xong trụ bơm xăng dầu thì hai bên còn phải tiến hành nghiệm thu, vận hành, chạy thử có tải và ký vào biên bản nghiệm thu thì mới phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bên B thanh toán cho bên A. Theo lời khai của hai bên tại Biên bản hòa giải ngày 02/6/2015 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức thể hiện là hai bên không có tiến hành nghiệm thu, không có thanh lý hợp đồng. Ngoài ra, trong hồ sơ tại cấp sơ thẩm cũng không có tài liệu nào thể hiện là các bên đã tiến hành các công việc đã được thỏa thuận nêu trên để từ đó tính thời điểm mà bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 16/01/2018, cấp phúc thẩm đã lấy lời khai của nguyên đơn để làm rõ cơ sở nào nguyên đơn gửi đơn khởi kiện vào ngày 17/12/2014. Theo nguyên đơn trình bày sau khi lắp đặt xong trụ bơm, vận hành, chạy thử thì phía bị đơn cho rằng nguyên đơn còn một số sai sót cần khắc phục nên không chịu nghiệm thu. Từ năm 2011 đến năm 2014, nguyên đơn vẫn liên hệ với bị đơn đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng, đề nghị thực hiện các phương án để thay thế các thiết bị theo yêu cầu của bị đơn nhưng không gặp được người có thẩm quyền của bị đơn, cho đến đầu năm 2014 khi phía nguyên đơn biết bị đơn đã thuê đơn vị khác thay thế các thiết bị của nguyên đơn đã lắp đặt và đơn phương hủy bỏ hợp đồng thì nguyên đơn mới biết quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm nên nguyên đơn mới khởi kiện tranh chấp hợp đồng.

Xét thấy, Điều 55 Luật Thương mại có quy định “Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau: Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa”.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào việc nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 000074 vào ngày 29/6/2011 cho bị đơn để tính thời hiệu khởi kiện là không phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và không đúng với quy định của Điều 55 Luật Thương mại nêu trên. Do đó, cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án vì hết thời hiệu khởi kiện theo nhận định của cấp sơ thẩm là không có căn cứ.

Với những nhận định nêu trên, Hội đồng phúc thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty P và hủy quyết định đình chỉ nêu trên của Tòa án nhân dân quận T.

Căn cứ vào Điều 314 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 71/2017/QĐST-KDTM ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận T tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Công ty P không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0037384 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Ủ Thị Bạch Yến**